

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: **16** /2022/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày **14** tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2023-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành Văn bản quy phạm
pháp luật, Luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc
hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu
quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách
Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương
trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 133/TTr-UBND, ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết quy định nội dung, mức hỗ trợ đầu
tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông
thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2023-2025; Báo cáo thẩm tra số
249/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội

đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung, mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2023-2025 (viết tắt là Chương trình).

b) Đối với các nội dung hỗ trợ khác thuộc Chương trình nhưng chưa quy định tại Nghị quyết này thì mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các huyện, thị xã, thành phố; các xã; thôn, buôn thuộc xã thuộc đối tượng bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025.

b) Doanh nghiệp và các Hợp tác xã phi nông nghiệp, Liên hiệp hợp tác xã phi nông nghiệp đóng chân trên địa bàn tỉnh tham gia thực hiện Chương trình (riêng hợp tác xã nông nghiệp, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp thực hiện theo Nghị quyết 19/2021/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025).

Điều 2. Nguyên tắc và thứ tự ưu tiên hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ áp dụng cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này:

a) Chính sách này hỗ trợ cho các đối tượng đảm bảo điều kiện theo quy định và chỉ hỗ trợ 01 lần.

b) Trường hợp một nội dung hỗ trợ được quy định tại nhiều chính sách hỗ trợ thì chỉ được lựa chọn thụ hưởng chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

c) Các chủ thể được nhận hỗ trợ về đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển sản phẩm OCOP phải đáp ứng đầy đủ các quy định về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng về nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế và chế biến sản phẩm theo quy định pháp luật hiện hành. Được tổ chức hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Hợp tác xã hiện hành; hoạt động ổn định, có hiệu quả và có lãi trong 3 năm trước thời điểm đề nghị hỗ trợ; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

2. Thứ tự ưu tiên

a) Ưu tiên hỗ trợ các xã, các huyện, thị xã, thành phố có trong Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 được

Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 và Kế hoạch xây dựng nông thôn mới hằng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã phi nông nghiệp, liên hiệp hợp tác xã phi nông nghiệp có sản phẩm OCOP có thứ hạng sao cao hơn.

c) Đối với doanh nghiệp, ưu tiên doanh nghiệp có ký kết, thực hiện hợp đồng tiêu thụ tối thiểu 30% tổng sản lượng sản phẩm, dịch vụ chính của hợp tác xã trong năm liền trước năm đề xuất hỗ trợ.

d) Đối với các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới nhưng không đăng ký đạt chuẩn giai đoạn 2021-2025, ưu tiên hỗ trợ đầu tư các công trình thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và môi trường trước, trường hợp không còn nhu cầu mới xem xét, hỗ trợ đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng khác.

Điều 3. Nội dung hỗ trợ

1. Lĩnh vực giao thông, bao gồm: Đường huyện; Đường xã; Đường thôn; Đường nối với các khu vực sản xuất.

Quy mô cấp kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Chương II Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

2. Lĩnh vực thủy lợi, bao gồm: Kênh mương có diện tích tưới dưới 30ha; Trạm bơm tưới phục vụ diện tích tưới dưới 30 ha; Cải tạo, nâng cấp công trình hồ, đập có dung tích toàn bộ dưới 500.000m³. Quy mô cấp kỹ thuật thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Lĩnh vực môi trường, bao gồm: Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung cấp xã, liên xã; điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

4. Lĩnh vực văn hóa, thể thao, bao gồm: Trung tâm văn hóa thể thao cấp huyện; Nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng; Sân thể thao xã.

5. Lĩnh vực Y tế, bao gồm: Trung tâm y tế cấp huyện; Trạm y tế xã.

6. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển sản phẩm OCOP, bao gồm: Xây dựng nhà kho; Xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm; Xưởng sơ chế và chế biến sản phẩm và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 4. Mức hỗ trợ

1. Lĩnh vực giao thông

a) Đối với đường huyện

Địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50% tổng mức đầu tư dự án.

Địa bàn thị xã Buôn Hồ và các huyện: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư dự án.

Ngoài mức hỗ trợ của ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, phần còn lại do ngân sách cấp huyện hỗ trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và vận động đóng góp tự nguyện của người dân để thực hiện.

b) Đối với đường xã

- Đối với địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

+ Xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 80% tổng mức đầu tư dự án.

+ Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 85% tổng mức đầu tư dự án.

+ Ngoài mức hỗ trợ của ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, phần còn lại do ngân sách thành phố, ngân sách xã hỗ trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và vận động đóng góp tự nguyện của người dân để thực hiện.

- Đối với địa bàn thị xã Buôn Hồ và các huyện

+ Đối với xã khu vực III: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư dự án.

+ Đối với xã khu vực II: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 95% tổng mức đầu tư dự án.

+ Đối với xã khu vực I và xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư dự án.

Ngoài mức hỗ trợ của ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, phần còn lại do ngân sách cấp huyện, ngân sách xã hỗ trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và vận động đóng góp tự nguyện của người dân để thực hiện.

c) Đối với đường thôn

- Đối với địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư dự án. Ngoài mức hỗ trợ của ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, phần còn lại do ngân sách thành phố, ngân sách xã hỗ trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và vận động đóng góp tự nguyện của người dân để thực hiện.

- Đối với địa bàn thị xã Buôn Hồ và các huyện

+ Thôn, buôn thuộc xã khu vực III; thôn, buôn đặc biệt khó khăn của các xã còn lại: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư dự án.

+ Các thôn, buôn còn lại: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 75% tổng mức đầu tư dự án.

Ngoài mức hỗ trợ của ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, phần còn lại do ngân sách cấp huyện, ngân sách xã hỗ trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và vận động đóng góp tự nguyện của người dân để thực hiện.

d) Đối với đường nối với các khu vực sản xuất

Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50% tổng mức đầu tư dự án đối với thành phố Buôn Ma Thuột; tối đa 70% tổng mức đầu tư dự án đối với các huyện, thị xã.

Ngoài mức hỗ trợ của ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, phần còn lại do ngân sách cấp huyện hỗ trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và vận động đóng góp tự nguyện của người dân để thực hiện.

2. Lĩnh vực thủy lợi

a) Đối với kênh mương có diện tích tưới dưới 30ha

- Đối với xã khu vực III và thôn, buôn đặc biệt khó khăn của các xã còn lại: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư dự án;

- Đối với xã khu vực II: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 80% tổng mức đầu tư dự án;

- Đối với xã khu vực I và xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư dự án.

Ngoài mức hỗ trợ của ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, phần còn lại do ngân sách cấp huyện, ngân sách xã hỗ trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và vận động đóng góp tự nguyện của người dân để thực hiện.

Riêng đối tượng là tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở thì áp dụng mức hỗ trợ theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

b) Trạm bơm tưới phục vụ diện tích tưới dưới 30 ha

- Đối với xã khu vực III và thôn, buôn đặc biệt khó khăn của các xã còn lại: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư dự án.

- Đối với xã khu vực II: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư dự án.

- Đối với xã khu vực I và xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 80% tổng mức đầu tư dự án.

Ngoài mức hỗ trợ của ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, phần còn lại do ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã hỗ trợ, huy động các nguồn vốn

hợp pháp khác và vận động đóng góp tự nguyện của người dân để thực hiện.

c) Cải tạo nâng cấp công trình hồ, đập có dung tích toàn bộ dưới 500.000m³.

- Đối với xã khu vực III và thôn, buôn đặc biệt khó khăn của các xã còn lại: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư dự án.

- Đối với xã khu vực II: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư dự án.

- Đối với xã khu vực I và xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 80% tổng mức đầu tư dự án.

Ngoài mức hỗ trợ của ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, phần còn lại do ngân sách cấp huyện, ngân sách xã hỗ trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và vận động đóng góp tự nguyện của người dân để thực hiện.

3. Lĩnh vực môi trường

a) Công trình cấp nước sinh hoạt tập Trung cấp xã, liên xã

- Đối với xã khu vực III: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư dự án.

- Đối với xã khu vực II: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 75% tổng mức đầu tư dự án.

- Đối với xã khu vực I và xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50% tổng mức đầu tư dự án.

- Đối với công trình cấp nước sinh hoạt tập Trung quy mô liên xã cấp nước cho người dân tại nhiều xã, khu vực khác nhau thì trạm cấp nước nằm trên khu vực nào áp dụng mức hỗ trợ theo khu vực đó.

Ngoài mức hỗ trợ của ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, phần còn lại do ngân sách cấp huyện, ngân sách xã hỗ trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và vận động đóng góp tự nguyện của người dân để thực hiện.

b) Điểm tập kết, Trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

- Đối với xã khu vực III: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư dự án.

- Đối với xã khu vực II: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 75% tổng mức đầu tư dự án.

- Đối với xã khu vực I và xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50% tổng mức đầu tư dự án.

Ngoài mức hỗ trợ của ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, phần còn lại do ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã hỗ trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và vận động đóng góp tự nguyện của người dân để thực hiện.

4. Lĩnh vực văn hóa, thể thao

a) Trung tâm văn hóa thể thao cấp huyện

Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50% tổng mức đầu tư dự án đối với thành phố Buôn Ma Thuột; tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư dự án đối với các huyện, thị xã còn lại.

Ngoài mức hỗ trợ của ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, phần còn lại do ngân sách cấp huyện hỗ trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và vận động đóng góp tự nguyện của người dân để thực hiện.

b) Nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng

- Đối với xã khu vực III: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư dự án.

- Đối với xã khu vực II: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư dự án.

- Đối với xã khu vực I và xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50% tổng mức đầu tư dự án.

c) Sân thể thao xã

- Đối với xã khu vực III: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư dự án.

- Đối với xã khu vực II: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư dự án.

- Đối với xã khu vực I và xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50% tổng mức đầu tư dự án.

Ngoài mức hỗ trợ của ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, phần còn lại do ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã hỗ trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và vận động đóng góp tự nguyện của người dân để thực hiện.

5. Lĩnh vực Y tế

a) Trung tâm y tế cấp huyện

Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50% tổng mức đầu tư dự án đối với thành phố Buôn Ma Thuột; tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư dự án đối với các huyện, thị xã còn lại.

Ngoài mức hỗ trợ của ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, phần còn lại do ngân sách cấp huyện hỗ trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và vận

động đóng góp tự nguyện của người dân để thực hiện.

b) Trạm y tế xã

- Đối với xã khu vực III: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư dự án.

- Đối với xã khu vực II: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư dự án.

- Đối với xã khu vực I và xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50% tổng mức đầu tư dự án.

Ngoài mức hỗ trợ của Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, phần còn lại do ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã hỗ trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và vận động đóng góp tự nguyện của người dân để thực hiện.

6. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển sản phẩm OCOP.

Mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh áp dụng tiết 3 điểm b khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025.

Điều 5. Nguồn vốn thực hiện

1. Nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình giai đoạn 2023-2025.

2. Nguồn vốn ngân sách cấp huyện, cấp xã.

3. Nguồn vốn huy động hợp pháp khác và vận động đóng góp tự nguyện của nhân dân.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 và áp dụng đối với các công trình, dự án được quyết định đầu tư kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

2. Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Nghị quyết này hết hiệu lực thi hành hoặc có văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định của các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản đó.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 173/2015/NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 về kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 173/2015/NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC, NN-PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC, NN-PTNT;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.



CHỦ TỊCH

Chưa

Huỳnh Thị Chiến Hòa

